TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TINH HÀ GIANG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 15/2018/ST- HNGĐ
Ngày: 18/5/2018.
V/v xin ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H TỈNH HÀ GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ma Thị Nghị
*Các Hội thẩm nhân dân:*1. Ông: Nguyễn Văn Biện.
2. Ông: Đoàn Hùng Tự .
- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Hồng Tường - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018 tại Hội trường xét xử dân sự Tòa án nhân dân thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2018/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2017 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/ 2018/QĐXX-ST, ngày 05 tháng 02 năm 2018, quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2018/QĐST - HNGĐ ngày 27/02/2018, quyết định số 02/2018/QĐST-HNGĐ ngày 21/3/2018 và quyết định số 03/ 2018/QĐST- HNGĐ ngày 20/4/2018 giữa các đương sự:
1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị C
Địa chỉ: Số nhà 17, tổ 17, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang.
Tạm trú: Tổ 5, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang.
(Có mặt)
2. Bị đơn: Anh Long Hữu P
Địa chỉ: Số nhà 17, tổ 17, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/10/2017 và quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa chị Dương Thị C trình bày: Chị và anh P kết hôn từ ngày 07/10/2002, có đăng ký tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Việc kết hôn là do tự nguyện. Sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do không hòa hợp về tính cách, bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng luôn căng thẳng, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau làm phát sinh mâu thuẫn , ngày 07/3/2014

chị C đã làm đơn ly hôn và Tòa án thành phố H đã hòa giải đoàn tụ thành cho vợ chồng trở về chung sống hạnh phúc với nhau đến tháng 07/2016 vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn trong khi chị C đang mang thai cháu nhỏ được 06 tháng cho đến nay giữa chị và anh P đã sống ly thân được khoảng 02 năm, không ai quan tâm thăm hỏi đến ai. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị C đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Về con chung anh chị có ba con là cháu Long Thu H sinh ngày 19/12/2001, cháu Long Thu A sinh ngày 31/12/2003 và cháu Long Hữu V sinh ngày 12/10/2016, ly hôn chị C đề nghị được nuôi cả ba cháu, anh P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng từ 2.000.000đ đến 2.500.000đ/đứa/tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị C đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Long Hữu P xác nhận việc chị C trình bày về quan hệ hôn nhân là hoàn toàn đúng. Anh thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn từ năm 2015 nguyên nhân do chị C theo đạo Phật mang nhiều đồ vật thờ cùng vào nhà và thờ tại nhà gây ảnh hưởng đến sinh hoạt trong gia đình. Gia đình bên anh P có góp ý nhiều lần nhưng chị C không đồng ý và nói rằng nếu không cho chị được thờ cúng tại nhà chị sẽ ly hôn với anh. Nay chị C xin ly hôn anh P không nhất trí vì anh xác định trong cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, giữa vợ chồng vẫn còn tình cảm, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được quay về đoàn tụ gia đình để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung, trường hợp nếu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh P đề nghị được trực tiếp nuôi cả ba cháu và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh P không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 04/01/2018 các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm và không tự thỏa thuận được với nhau để giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Quá trình giải quyết vụ án do con chung của anh chị là cháu Long Thu H và cháu Long Thu A đều đã trên 7 tuổi nên Tòa án đã lấy ý kiến của các cháu và nguyện vọng của cả hai cháu trong trường hợp bố mẹ cháu ly hôn thì các cháu đều xin được ở với mẹ.

Tại phiên tòa chị C giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn, về con chung xin được nuôi cả ba cháu, về phần cấp dưỡng chị C thay đổi quan điểm không đề nghị anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với bị đơn anh P vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên không đưa được quan điểm của mình.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát thành phố H:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán, HĐXX đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật TT DS. Bị đơn vi phạm quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật TTDS (Vắng mặt không có lý do)

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4, Điều 147 Bộ luật TTDS; Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết

326 về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị C được ly hôn với anh P

Về con chung: Giao cháu Long Hữu V và cháu Long Thu A cho chị Dương Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi cháu V và cháu A đủ 18 tuổi. Giao cháu Long Thu H cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Anh P, chị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh, chị có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị C phải chịu 300.000,đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự đều thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ của mình. Anh Long Hữu P vắng mặt tại phiên tòa không có lý do HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đảm bảo đúng theo trình tự tố tụng.

Trong vụ án yêu cầu khởi kiện của đương sự là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Quan hệ tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật TTDS năm 2015.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị C và anh Long Hữu P kết hôn từ năm 2002 có đăng ký tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, việc kết hôn là do tự nguyện. Sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc cho đến cuối năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, theo chị C nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến anh P hay chửi bới, đánh đập chị. Còn anh P cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do chị C trong việc thực hiện thờ cúng tại nhà, anh P không đồng ý với việc chị C mang nhiều đồ vật thờ và dành nhiều thời gian cho việc thờ cúng. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân nhau 2 năm nay. Do vậy chị C thấy tình cảm vợ chồng không còn và làm đơn xin ly hôn với anh P. Còn phía anh P quá trình giải quyết vụ án anh P có ý kiến không đồng ý ly hôn đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng quay về đoàn tụ, tại phiên tòa anh P vắng mặt không có lý do, nên không đưa ra được quan điểm việc chị C xin ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa chị C vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với P, bị đơn anh P vắng mặt tại phiên tòa nên không đưa ra được quan điểm của mình. Quá trình xác minh được chính quyền cơ sở xác nhận vợ chồng chị C, anh P trong thời gian chung sống tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, còn việc mâu thuẫn xảy ra như thế nào thì tổ không biết vì vợ chồng không báo cáo tổ, không nhờ tổ hòa giải. Hiện tại chị C đi thuê nhà ở chỗ khác không ở cùng anh P nữa, anh P vẫn ở nhà. Vợ chồng sống ly thân nhau, không thấy chị C qua lại về ở với anh P. Xét về tình cảm vợ chồng chị C, anh P đã bị sứt mẻ từ lâu. Năm 2014 chị C đã có đơn xin ly hôn nhưng được Tòa án hòa giải vợ chồng quay về đoàn tụ, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân nếu cố níu kéo để chị C quay lại đoàn tụ chung sống với anh P thì cũng không có hạnh phúc mà còn ảnh hưởng đến cuộc sống sau

này cho cả hai bên. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị C áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Dương Thị C được ly hôn anh Long Hữu P là hợp tình hợp lý đảm bảo theo quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị C, anh P có 3 con chung:
- Long Thu H; SN: 19/12/2001,
- Cháu Long Thu A; SN 31/12/2003
- Cháu Long Hữu V; SN 12/10/2016

Hiện tại cháu H đang đi học trường Vùng cao V, tỉnh Thái Nguyên, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy cháu đã lớn mặc dù cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ nhưng cháu đang học tại trường Vùng cao V, tỉnh Thái nguyên chủ yếu học và sinh hoạt do nhà trường quản lý. Vì vậy giao cháu H cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp. Còn cháu A và cháu V hiện nay đang ở cùng mẹ, cháu A có nguyện vọng xin được ở cùng với mẹ. Xét để đảm bảo việc học tập, sinh hoạt của hai cháu cần giao cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả 2 cháu là hợp tình, hợp lý. Về phần cấp dưỡng quá trình giải quyết chị C đề nghị anh P cấp dưỡng 2.000.000,đ đến 2,5 triệu đồng/cháu/tháng, tại phiên tòa chị C thay đổi quan điểm không đề nghị anh P cấp dưỡng nuôi con chung nữa tùy anh P có bao nhiêu cho con bấy nhiêu, chị không đề nghị cấp dưỡng. Xét thấy việc chị C không đề nghị anh P cấp dưỡng là tự nguyện do vậy anh P, chị C không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Hai bên có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết

[5] Về án phí : Chị Dương Thị C phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4, Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự ; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị C về việc xin ly hôn với anh Long Hữu P.

2. Xử cho chị Dương Thị C được ly hôn với anh Long Hữu P.

3. Xử về con chung: Giao cho chị Dương Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 2 cháu Long Thu A; SN: 31/12/2003 và cháu Long Hữu V, SN: 12/10/2016 đến khi cháu 2 cháu đủ 18 tuổi. Giao cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng và

giáo dục cháu Long Thu H; SN: 19/12/2001 đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Chị C, anh P không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Chị C, anh P có quyền đi lại thăm nom con chung.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết

5. Về án phí: Chị Dương Thị C phải chịu 300.000,đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền chị C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Giang theo biên lai số 00602 ngày 06/11/2017.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hánh án dân sự có quyền thoả thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự: Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Báo cho bị đơn vắng mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Ma Thị Nghị

Nơi nhận:
- VKSND TPH
- TAND tỉnh.
- UBND xã T
  huyện C, tỉnh Tuyên Quang
- Các đương sự.
- C.C THATPH.
- Lưu HS.
- Lưu bộ phận.